TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Minh Hiệp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thúy Ngân
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thùy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2018/TLST–HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1991, cư trú tại: Ấp X, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1982, cư trú tại: Ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10 tháng 9 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày: Chị và bị đơn là anh Lê Đức T kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2011, ngày 13/8/2011. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 06 năm. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm lo, quan tâm đến vợ con. Chị cũng đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi. Thời gian gần đây anh T có quan hệ tình cảm với người khác. Chị và anh T đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2018. Trong thời gian ly thân chị và anh T không sắp xếp hàn gắn được. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là Lê Quỳnh Ngọc H, sinh ngày 24/01/2012 và Lê Quỳnh Ngọc P, sinh ngày 19/4/2014, hiện 02 con chung đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: chị và anh T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đức T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị D về thời điểm kết hôn và thời gian chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị D cho rằng anh không chăm lo cho gia đình, không chung thủy thì anh không đồng ý. Theo anh mâu thuẫn chủ yếu là liên quan đến vấn đề chỗ ở. Thời gian đầu, sau khi chị D sinh con thứ nhất, anh cũng đồng ý về nhà mẹ ruột chị D sinh sống. Do sống bên chị D, anh cảm thấy không thoải mái, gia đình chị D can thiệp nhiều vào

cuộc sống của vợ chồng anh nên anh đề nghị về bên anh sinh sống, vì mẹ anh có cho vợ chồng anh một phần đất để vợ chồng anh ở riêng nhưng chị D không đồng ý. Vợ chồng anh sống ly thân từ đầu năm 2018. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì mâu thuẫn giữa vợ chồng không nhiều, con còn nhỏ. Về con chung: anh và chị D có 02 con chung là Lê Quỳnh Ngọc H, sinh ngày 24/01/2012 và Lê Quỳnh Ngọc P, sinh ngày 19/4/2014. Hiện 02 con chung đang sống cùng với chị D. Trường hợp, chị D kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu nuôi Lê Quỳnh Ngọc P, chị D nuôi Lê Quỳnh Ngọc H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: anh và chị D sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D đối với bị đơn anh Lê Đức T, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn và nuôi con căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Lê Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị D đối với bị đơn anh Lê Đức T: Chị D và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Trạch, huyện Cần Đước, tỉnh Long An vào năm 2011 đúng với quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của vợ chồng chị D, anh T hạnh phúc được 06 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo như chị D trình bày là do anh T không chung thủy, không quan tâm, lo lắng cho gia đình. Chị D xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T. Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho chị D và anh T hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh T không thống nhất với chị D về nguyên nhân mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn nhưng anh T không đưa ra được biện pháp để giải quyết mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị D kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị D và anh T có 02 người con chung là Lê Quỳnh Ngọc H, sinh ngày 24/01/2012 và Lê Quỳnh Ngọc P, sinh ngày 19/4/2014. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, còn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Quỳnh Ngọc P. Cháu Lê Quỳnh Ngọc H có nguyện vọng muốn được sống với chị D, còn cháu Lê Quỳnh Ngọc Phượng chưa đủ 07 tuổi nên không xem xét nguyện vọng của cháu Phượng. Theo như tài liệu, chứng cứ do chị D cung cấp, chứng minh chị D có công việc và thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, từ trước đến nay cả 02 con chung sống với chị D. Do đó, để ổn định cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, căn cứ theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con của chị D là chính đáng và phù hợp pháp luật nên chấp

nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị D tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D và anh T xác định anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị D đối với bị đơn anh Lê Đức T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Lê Đức T.

Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung là Lê Quỳnh Ngọc H, sinh ngày 24/01/2012 và Lê Quỳnh Ngọc P, sinh ngày 19/4/2014 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị D không yêu cầu anh Lê Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009408 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Đức T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã L, huyện Đ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

(Giấy chứng kết hôn số 96 ngày 13/8/2011);
- Lưu.

Võ Thị Minh Hiệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Minh Hiệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Minh Hiệp